

I. Phần mở đầu

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống giáo dục quốc dân thì giáo dục Tiểu học được coi là bậc học nền tảng, bậc học cơ sở, góp phần rất quan trọng trong việc tạo cơ sở ban đầu cho sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới và hội nhập nên giáo dục được coi là “quốc sách hàng đầu”. Trong đó, chất lượng giáo dục là vấn đề then chốt góp phần rất quan trọng đối với sự phát triển đất nước. Lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng dạy và học.

Ở nhà trường Tiểu học, môn Toán giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Các kiến thức, kỹ năng của môn Toán ở Tiểu học có nhiều ứng dụng trong đời sống và làm nền tảng cho việc học các môn khác ở bậc Tiểu học cũng như học tiếp môn Toán ở bậc Trung học cơ sở.

Môn Toán ở lớp 4 hình thành cho học sinh các kiến thức cơ bản, sơ giản nhưng có nhiều ứng dụng trong đời sống về số học, các số tự nhiên, các đơn vị đo lường, nhận dạng và biết tính chu vi, diện tích một số hình, ... Đặc biệt là biết các giải và trình bày lời giải những bài toán có lời văn. Nắm chắc và thực hiện đúng quy trình bài toán. Dạy giải toán có lời văn có vị trí đặc biệt quan trọng và chiếm khoảng thời gian tương đối lớn trong nhiều tiết học cũng như toàn bộ chương trình môn toán. Mỗi bài toán có lời văn thường là một tình huống có vấn đề của thực tiễn. Điều quan trọng của dạy giải toán có lời văn là giúp học sinh biết cách giải quyết các các vấn đề thường gặp trong đời sống, các vấn đề này được nêu dưới dạng các bài toán có lời văn. Đây là sự vận dụng có tính chất tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, phương pháp, ... học được ở môn Toán trong Tiểu học.

Tuy nhiên việc dạy giải toán ở Tiểu học nói chung và ở lớp 4 nói riêng gặp rất nhiều khó khăn. Các em thường không xác lập được mối quan hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm trong điều kiện của bài toán. Mặt khác các em chưa biết vận dụng những kiến thức đã học vào trong việc giải toán. Chính vì vậy mà khi làm toán giải các em thường hay bị sai do không tìm ra được phép tính và lời giải đúng cho câu hỏi của bài toán. Một điều cũng khiến giáo viên phải trăn trở, suy nghĩ nhiều đó là học sinh thường nhầm lẫn cách giải bài toán ở các dạng toán điển hình như: Tìm số trung bình cộng; Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; Tìm hai số khi biết tổng(hiệu) và tỉ số của hai số đó, ... Vậy làm cách nào để học sinh không bị nhầm lẫn giữa các dạng toán và biết cách xác lập mối quan hệ giữa các dữ liệu của bài toán, tìm ra cách giải, phép tính và lời giải đúng cho bài toán, đó là điều mà tôi thường trăn trở, suy nghĩ. Vì vậy tôi đã quyết định chọn đề tài: **“Một số biện pháp giúp nâng cao năng lực giải toán có lời văn cho học sinh**

lớp 4A1 trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm” đề làm sáng kiến kinh nghiệm cho mình, mong tìm ra được phương pháp giảng dạy thích hợp đối với lĩnh vực giải toán có lời văn giúp học sinh học tốt môn Toán và cũng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục học sinh lớp mình chủ nhiệm.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài

Qua đề tài này, tôi muốn góp phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng dạy học môn Toán để tìm ra phương pháp giúp giáo viên dạy môn Toán cho học sinh lớp 4 được tốt hơn.

Cụ thể:

Đạy cho học sinh nhận biết về cấu tạo của một bài toán có lời văn lớp 4.

Đọc hiểu - phân tích - tóm tắt bài toán.

Trình bày bài giải gồm câu lời giải + phép tính + đáp số.

Tìm lời giải phù hợp cho bài toán bằng nhiều cách khác nhau.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Sách giáo khoa Toán 4, Sách giáo viên Toán 4, Chuẩn kiến thức kỹ năng Toán lớp 4, vở bài tập Toán của học sinh khối 4, Học sinh lớp 4A1 trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm.

4. Giới hạn của đề tài

Đề tài này áp dụng cho học sinh lớp 4A1 trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm và cũng có thể áp dụng cho học sinh khối 4 trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra.

Phương pháp trắc nghiệm.

Phương pháp trực quan.

Phương pháp đàm thoại, gợi mở.

Phương pháp luyện tập.

II. Phần nội dung

1. Cơ sở lý luận

Trong các môn học ở Tiểu học, cùng với môn Tiếng Việt, môn Toán có vai trò quyết định vì: Các kiến thức, kỹ năng của môn Toán ở Tiểu học có nhiều ứng dụng trong đời sống, rất cần thiết cho người lao động, để học tiếp các môn học khác ở Tiểu học và học tiếp môn Toán ở Trung học.

Môn Toán giúp học sinh nhận biết những mối quan hệ về số lượng, hình dạng không gian của thế giới hiện thực. Nhờ đó học sinh có phương pháp nhận thức một số mặt của thế giới xung quanh, biết cách hoạt động có hiệu quả trong đời sống.

Môn Toán góp phần quan trọng trong việc rèn luyện phương pháp suy nghĩ. Suy luận, giải quyết vấn đề, góp phần phát triển trí thông minh, cách suy nghĩ độc lập, linh hoạt, sáng tạo. Góp phần quan trọng vào việc hình thành các phẩm chất cần thiết, quan trọng của người lao động.

Môn Toán ở Tiểu học có nhiệm vụ giúp học sinh:

Hình thành hệ thống các kiến thức cơ bản, đơn giản, có nhiều ứng dụng trong đời sống về số học các số tự nhiên, các số thập phân bao gồm cả cách đọc, cách viết, so sánh các số tự nhiên....

Có những đóng góp ban đầu, thiết thực về các đại lượng cơ bản như độ dài, khối lượng thời gian, Biết sử dụng các dụng cụ để thực hành đo lường, biết ước lượng các số đo đơn giản.

Biết nhận dạng và bước đầu biết phân biệt một số hình học thường gặp.

Biết cách giải và trình bày giải với những bài toán có lời văn. Nắm chắc, thực hiện đúng quy trình bài toán.

Thông qua những hoạt động học tập toán để phát triển đúng mức một số khả năng trí tuệ và thao tác tư duy quan trọng nhất như: so sánh, phân tích, tổng hợp...

Hình thành phong cách học tập và làm việc có suy nghĩ, có kế hoạch, có kiểm tra, có tinh thần hợp tác, độc lập, sáng tạo, có ý chí vượt khó khăn, cẩn thận, kiên trì, tự tin.

Dạy học giải Toán có lời văn cho học sinh lớp 4 nhằm giúp học sinh

Biết tự tóm tắt bài toán bằng cách ghi ngắn gọn hoặc bằng sơ đồ.

Biết giải và trình bày bài giải các bài toán có đến ba bước tính trong đó có các bài toán: Tìm số trung bình cộng; Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; Tìm hai số khi biết tổng (hoặc hiệu) và tỉ số của hai số đó.

2. Thực trạng vấn đề nghiên cứu

Trong những năm gần đây, việc dạy học Toán cho học sinh Tiểu học được Bộ Giáo Dục, Sở Giáo Dục, Phòng Giáo Dục, đặc biệt là Ban giám hiệu, các thầy cô và các bậc phụ huynh rất quan tâm. Chính vì thế, mục tiêu rèn Toán cho học sinh lớp 4 cũng như cũng như các lớp khác được đặt lên hàng đầu.

Cụ thể trong các nhà trường còn có sự quan tâm đặc biệt đối với giáo viên và học sinh lớp 4 như:

Giáo viên được tham dự đầy đủ những chuyên đề về Toán và cuộc thi giáo viên dạy giỏi và thao giảng dự giờ tại cấp cơ sở để học hỏi và trau dồi kiến thức, trau dồi kinh nghiệm. Thống nhất phương pháp dạy đồng bộ trong khối xây dựng tiết dạy tốt góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Học sinh được tạo điều kiện tốt nhất để tham dự các cuộc thi “Đấu trường Vioedu” cấp trường và cấp thị xã, cấp tỉnh.

Nhà trường thường mở các chuyên đề để giáo viên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau trong đó có môn Toán. Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, nhà trường đều tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi tháo gỡ những vướng mắc trong chuyên môn. Trong các buổi sinh hoạt khối giáo viên cũng có điều kiện trình bày những khó khăn, vướng mắc trong công tác giảng dạy để mọi người cùng nhau tháo gỡ.

Ban giám hiệu năng động, nhiệt tình, luôn tư vấn cho giáo viên những phương pháp dạy học tích cực.

Giáo viên ham học hỏi, nhiệt tình đóng góp ý kiến giúp đỡ lẫn nhau, sẵn sàng chia sẻ những hiểu biết về chuyên môn để cùng nhau tiến bộ.

Các em học sinh có đủ sách giáo khoa, vở bài tập, đồ dùng học tập phục vụ cho môn học.

Đa số các em ham học hỏi, ham tìm tòi khám phá cái mới.

Phần lớn phụ huynh quan tâm đến việc học của con em mình.

Tuy nhiên, môn toán là môn học khô khan và trừu tượng nên giáo viên gặp nhiều khó khăn khi lựa chọn các hình thức dạy học phù hợp với từng bài và phù hợp với trình độ nhận thức của các em.

Giáo viên đôi khi vận dụng chưa nhịp nhàng, linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học nên chưa gây hứng thú cho học sinh tích cực học tập.

Giáo viên cũng còn hạn chế và ít có điều kiện để tiếp xúc với công nghệ thông tin để tìm tòi thêm tư liệu giảng dạy.

Học sinh lớp 4 kĩ năng tìm hiểu bài và xác lập mối quan hệ giữa các dữ kiện đề bài toán còn nhiều hạn chế.

Tư duy của các em chủ yếu dựa vào đặc điểm trực quan. Thế nhưng, ở môn toán, nhất là toán có lời văn lại càng cần nhiều đến tư duy trừu tượng nên học sinh lúng túng, gặp nhiều khó khăn, thậm chí không làm được các dạng toán điển hình.

Một số em chưa hứng thú, chưa tích cực tham gia vào giờ học nên chưa hiểu bài dẫn đến không làm được bài.

Trước khi đưa ra một số giải pháp cụ thể. Tôi đã tiến hành khảo sát toàn bộ học sinh lớp tôi giảng dạy - lớp 4A1 năm học 2022- 2023. Tôi nhận thấy các em còn hay mắc các lỗi như sau chữ cái đầu của câu lời giải chưa viết hoa, cuối câu lời giải không có dấu hai chấm, đáp số ghi đơn vị đi kèm không đúng hoặc viết đáp số không đầy đủ... Sau khi tiến hành khảo sát về viết sai câu lời giải, viết sai phép tính, viết sai đáp số, trình bày đúng cả ba bước. Tôi đã thu được kết quả sau:

TS	Lớp	HỌC SINH			
		Viết sai câu lời giải	Viết sai phép tính	Viết sai đáp số	Trình bày đúng cả 3 bước
32	4A1	12 = 37,5%	12 = 37,5%	5 = 15,6%	3 = 9,4%

Chính vì những lí do trên, để nâng cao chất lượng học toán nói chung và chất lượng giải toán có lời văn nói riêng, tôi đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Một số biện pháp giúp nâng cao năng lực giải toán có lời văn cho học sinh lớp 4A1 trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm”.

3. Các giải pháp

3.1 Giải pháp 1: Hướng dẫn củng cố các bước giải

3.1.1 Mục tiêu

Giúp học sinh định hướng được cách tìm kết quả của bài toán chính vì thế mà khi giải toán giáo viên phải thường xuyên nhắc nhở học sinh phải thực hiện các bước giải để xác định được yêu cầu đề rồi tóm tắt được bài toán và tìm cách giải đúng.

3.1.2 Nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện giải pháp

Điều chủ yếu của việc dạy học giải toán lớp 4 là giúp học sinh tự mình tìm hiểu được mối quan hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm trong điều kiện của bài toán mà thiết lập được các phép tính số học tương ứng, phù hợp với yêu cầu của đề bài đã cho. Nhưng không phải bài tập nào cũng vận dụng các bước tiến hành như nhau. Vì vậy, tôi đã nghiên cứu và vận dụng một số kinh nghiệm để hướng dẫn

học sinh giải toán có lời văn qua các bước sau:

Bước 1: Tìm hiểu nội dung bài

Việc tìm hiểu nội dung bài toán (đề toán) thường thông qua việc đọc bài toán (dù là bài toán cho dưới dạng bài văn hoàn chỉnh, hoặc bằng dạng tóm tắt, sơ đồ) ... Đây là bước đầu tiên không thể thiếu. Bởi vì, học sinh cần phải đọc kỹ, hiểu rõ đề toán, tìm hiểu xem bài toán cho biết cái gì, hay cho biết điều kiện gì, bài toán hỏi gì? Khi đọc bài toán phải hiểu thật kỹ một số từ, thuật ngữ quan trọng được biểu đạt theo ngôn ngữ thông thường. Nếu trong bài toán có thuật ngữ nào học sinh chưa hiểu rõ, giáo viên cần hướng dẫn để học sinh hiểu được nội dung và ý nghĩa của từ đó.

Ví dụ 1: Cô Vân và cô Hòa mua chung một mảnh vải giá 90 000 đồng, cô Vân phải trả cho cửa hàng nhiều hơn cô Hòa 15 000 đồng. Hỏi mỗi người phải trả cho cửa hàng bao nhiêu tiền?

Gọi 1 học sinh đọc bài toán, học sinh cả lớp đọc thầm bài toán (nếu em đó đọc chưa rõ ràng thì gọi một em khác đọc lại một lần nữa).

Hỏi học sinh: Bài toán cho biết gì? (Cô Vân và cô Hòa mua chung một mảnh vải giá 90 000 đồng, cô Vân phải trả cho cửa hàng nhiều hơn cô Hòa 15 000 đồng). Bài toán hỏi gì? (Mỗi người phải trả cho cửa hàng bao nhiêu tiền?) Cho học sinh giải

nghĩa từ “mua chung” là chung tiền vào cùng nhau mua chung một mảnh vải. (từ việc giải nghĩa từ, học sinh sẽ hiểu được 90 000 đồng là tổng số tiền hai cô phải trả cho cửa hàng).

Ví dụ 2: Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 16 cm. Chiều dài hơn chiều rộng 4cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

Gọi 2 em đọc bài toán (đọc 2 lượt)

Hỏi học sinh: Bài toán cho biết gì? (Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 16 cm. Chiều dài hơn chiều rộng 4cm.) Bài toán hỏi gì?(Tính diện tích của hình chữ nhật đó).

Bước 2: Tóm tắt và tìm cách giải.

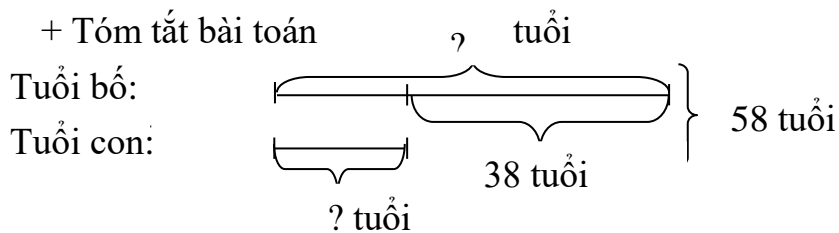
Hoạt động tóm tắt và tìm cách giải bài toán gắn liền với việc phân tích các dữ kiện, điều kiện và câu hỏi của bài toán nhằm xác lập mối liên hệ giữa chúng và tìm được phép tính số học thích hợp. Đây là bước quan trọng nhất, quyết định đến hiệu quả làm bài của học sinh. Bởi vì, thông qua bước này, học sinh sẽ nắm được mối liên hệ giữa các dữ kiện số liệu mà đề bài đã cho với cái cần tìm để trả lời cho

câu hỏi của bài toán. Nếu bước này học sinh phân tích không kỹ càng, không khai thác hết các dữ kiện của đề toán thì các em sẽ hiểu sai và dẫn đến đi sai hướng, làm sai bài toán. Hoạt động này thường diễn ra theo trình tự sau:

Dùng sơ đồ hình vẽ hoặc lời văn để tóm tắt minh họa bài toán.

Lập kế hoạch giải bài toán nhằm xác định trình tự giải quyết, thực hiện các phép tính số học (đi từ dữ kiện đến câu hỏi của bài toán hoặc có thể đi từ câu hỏi đến dữ kiện của bài toán).

Ví dụ 1: Bài 2 (SGK toán 4 trang 148)



+ Lập kế hoạch và trình tự giải bài toán:

Đối với dạng bài này, giáo viên dùng phương pháp gợi mở - vấn đáp, đi từ dữ kiện đến câu hỏi của bài toán để học sinh xác lập mối liên hệ giữa các dữ kiện từ đó tìm được các phép tính cho bài toán:

Bài toán thuộc dạng toán nào? (Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó).

Bài toán cho biết tổng số tuổi của hai bố con là bao nhiêu? (58 tuổi)

Hiệu số tuổi bố và tuổi con là bao nhiêu? (38 tuổi)

Dạng toán này có mấy cách làm? (2 cách)

Nếu tính tuổi của bố trước thì làm như thế nào? (Tuổi của bố là số lớn nên lấy tổng số tuổi của hai bố con cộng với hiệu số tuổi bố và tuổi con được bao nhiêu chia cho 2)

Khi tính được tuổi của bố rồi, muốn tính tuổi của con thì làm thế nào?

Lấy tổng số tuổi của hai bố con trừ đi số tuổi của bố hoặc lấy tuổi của bố trừ đi hiệu).

Vậy hai số cần tìm đã tìm được chưa? (đã tìm được rồi)

Ví dụ 2: Bài 4 (SGK toán 4 trang 56)

+ Tóm tắt bài toán:

Nửa chu vi : 16 cm

Chiều dài hơn chiều rộng: 4cm

Diện tích hình chữ nhật:cm²?

Lập kế hoạch và trình tự giải bài toán:

Đối với dạng bài này, giáo viên dùng phương pháp gợi mở - vấn đáp, nhưng không đi theo trình tự như ví dụ 1, mà đi từ câu hỏi đến dữ kiện của bài toán để học sinh xác lập mối liên hệ giữa các dữ kiện, từ đó tìm được các phép tính cho bài toán.

Bài toán hỏi gì? (Tính diện tích của hình chữ nhật.)

Muốn tính được diện tích của hình chữ nhật đó ta phải biết gì? (phải biết chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật).

Vậy chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đã có chưa? (chưa có)

Điều đầu tiên phải làm trong bài toán này là gì? (là tính chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật).

Vậy muốn tính chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật ta dựa vào đâu để tìm? (Dựa vào cách tính của dạng toán: “Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó” để tìm.

Vậy tổng của chiều dài và chiều rộng đã có chưa? Nếu có rồi thì là bao nhiêu? (Đã có rồi, là nửa chu vi hình chữ nhật)

Bước tiếp theo ta làm thế nào? (Vận dụng các bước làm để tính chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật).

Sau khi tính được chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật ta phải làm gì tiếp theo? (Tính diện tích hình chữ nhật bằng cách lấy chiều dài nhân với chiều rộng)

Vậy câu hỏi của bài toán đã được trả lời chưa? (Đã được trả lời rồi)

Tóm lại: Tùy theo từng bài cụ thể, giáo viên gợi ý cho học sinh nên lập kế hoạch và trình tự giải theo hướng nào để các em dễ hiểu, dễ giải bài toán nhất.

Bước 3: Thực hiện giải bài toán

Mục đích cuối cùng của việc dạy giải toán có lời văn cho học sinh là học sinh phải biết cách làm và trình bày bài giải theo một trình tự thể hiện đúng cách làm của dạng bài đó. Ở bước này, giáo viên sẽ biết được học sinh có hiểu bài, nắm được cách làm, giải được bài toán hay không? Đây là bước đánh giá sự hiểu bài của học sinh. Theo chương trình ở Tiểu học giải toán có lời văn thì mỗi phép tính đều phải kèm theo câu lời giải và cuối cùng phải ghi rõ đáp số.

Ví dụ: Bài 4 (SGK toán 4 trang 56)

Bài giải

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$(16 + 4) : 2 = 10 \text{ (cm)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$10 - 4 = 6 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình chữ nhật là:

$$10 \times 6 = 60 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 60 (cm²)

Bước 4: Kiểm tra cách giải

Sau khi giải xong bài toán, việc kiểm tra cách giải nhằm phân tích cách giải đúng hay sai. Nếu sai thì sai ở chỗ nào để sửa chữa. Nếu cách giải đúng thì học sinh yên tâm ghi đáp số, còn nếu sai thì các em phải kiểm tra lại cách làm xem sai ở đâu. Bước này hầu như học sinh thường bỏ qua, nên nhiều khi làm sai mà không biết. Vì vậy giáo viên cần rèn cho học sinh thói quen kiểm tra lại cách giải sau khi làm. Hướng dẫn học sinh kiểm tra cách giải bài toán như sau:

Thiết lập tương ứng các phép tính giữa các số cần tìm được trong quá trình giải bài toán.

Ví dụ: Lấy chiều dài (10 cm) cộng với chiều rộng (6 cm) bằng nửa chu vi (16 cm) và lấy chiều dài (10 cm) trừ đi chiều rộng (6 cm) bằng hiệu (4 cm) thì kết quả của bài toán là đúng.

Giải bài toán bằng cách khác

Ví dụ: Giải bài 4 (SGK toán 4 trang 56) bằng cách khác

Bài giải

Chiều rộng của hình chữ nhật là:

$$(16 - 4) : 2 = 6 \text{ (cm)}$$

Chiều dài của hình chữ nhật là:

$$16 - 6 = 10 \text{ (cm)}$$

Diện tích của hình chữ nhật là:

$$10 \times 6 = 60 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 60 cm²

Như vậy giải bằng cách khác mà kết quả của bài toán vẫn không thay đổi chứng tỏ bài toán đã làm đúng.

Xét tính hợp lí của đáp số. Nhiều em do lời giải sai nên số lớn lại có kết quả nhỏ hơn số bé, như vậy là không hợp lí. Hoặc có những em do cách làm sai nên kết quả của hai số cần tìm lại lớn hơn tổng, nên khi nhìn vào kết quả phải nhận ra được đó là bài làm sai.

3.2 Giải pháp 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các dạng toán cách giải

và rèn kĩ năng giải.

3.2.1 Mục tiêu

Học sinh nắm được những dạng toán cơ bản điển hình ở lớp 4 như giải toán tìm trung bình cộng, tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số, tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số.

3.2.2 Nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện giải pháp

Ở đề tài này bản thân tôi chỉ tìm hiểu cụ thể những dạng toán cơ bản điển hình ở lớp 4 như giải toán tìm trung bình cộng, tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số, tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số.

Song song với tìm hiểu và giải toán tôi ra cho học sinh bài tập để rèn kĩ năng nhận dạng và giải đặc biệt là với học sinh hoàn thành tốt để giúp các em giải tốt hơn.

a. Đối với dạng toán tìm trung bình cộng

Đây là dạng toán cơ bản đầu tiên của lớp 4 cần cho HS nắm được cái cơ bản đó là tổng, số số hạng trong bài toán cụ thể, bởi vì khả năng tư duy của học sinh có hạn chế nên các em hiểu cách tìm trung bình cộng của các số cụ thể ở dạng toán cơ bản nhưng các em xác định vận dụng thì còn chậm.

Cách nhận dạng bài toán:

Dạng cơ bản: - Biết hai (hoặc nhiều) số hạng

-Tìm trung bình cộng của hai (hoặc nhiều) số hạng đó.

Ví dụ 1: Một công ty chuyển máy bơm bằng ô tô. Lần đầu có 3 ô tô, mỗi ô tô chở được 16 máy, lần sau có 5 ô tô, mỗi ô tô chở được 24 máy. Hỏi trung bình mỗi ô tô chở được bao nhiêu máy bơm?

Các bước giải bài toán cơ bản:

Bước 1: Liệt kê (hoặc làm rõ) các số hạng đã cho, nêu ra số số hạng

Bước 2: Tìm tổng của các số hạng: số hạng 1 + số hạng 2 + số hạng 3...

Bước 3: Tìm số trung bình cộng: Lấy tổng chia cho số số hạng.

Đối với bài toán ở ví dụ 1 các bước giải là:

Bước 1: Cần làm rõ các số hạng là có tất cả mấy ô tô.

Bước 2: Tìm tổng số số hạng là tìm số máy mà 8 ô tô chở được.

Bước 3: Tìm trung bình mỗi ô tô chở được lấy số máy 8 ô tô chở chia cho 8

Dạng vận dụng 1:

Biết trung bình cộng của hai (hay nhiều) số hạng: biết 1 (hoặc nhiều) số hạng khác.

Tìm các số hạng chưa biết trong số các số hạng

Ví dụ 2: Tuổi trung bình của cô giáo chủ nhiệm và 33 học sinh trong lớp 4A1 là 12. Nếu không kể cô giáo thì tuổi trung bình của 33 học sinh là 11 tuổi. Tính tuổi của cô giáo.

Đây là bài toán thuộc dạng vận dụng 1, trong bài toán này, số tuổi của mỗi người ứng với mỗi số hạng, cho trung bình cộng để tìm tổng của các số hạng.

Dạng vận dụng 2:

Biết một số hạng (đã cho trước hoặc tính được)

Tìm số trung bình cộng và số hạng còn chưa biết.

Ví dụ 3: Có 3 tổ trồng cây, tổ Một trồng được 6 cây, tổ Hai trồng ít hơn tổ Một là 2 cây. Tổ ba trồng được nhiều hơn trung bình cộng của 3 tổ là 4 cây. Hỏi trung bình mỗi tổ trồng được bao nhiêu cây và số cây tổ Ba trồng được.

Các bước giải bài toán dạng vận dụng 1:

Bước 1: Xác định số số số hạng, xác định số trung bình cộng đã biết

Bước 2: Tìm tổng của các số hạng bằng cách: lấy số trung bình cộng nhân với số số hạng

Bước 3: Dựa vào các điều kiện đã cho để xác định số hạng còn lại theo yêu cầu đề bài.

Bài giải của ví dụ 2 như sau:

Bước 1: Vì lớp có 33 HS nên tính cả cô giáo thì có số người là:

$$33 + 1 = 34 \text{ (người)}$$

Bước 2: Tổng số tuổi của 34 người trong lớp là:

$$12 \times 34 = 408 \text{ (tuổi)}$$

Bước 3: Nếu không tính tuổi cô giáo thì tổng số tuổi của 33 học sinh là:

$$11 \times 33 = 363 \text{ (tuổi)}$$

$$\text{Suy ra tuổi cô giáo là: } 408 - 363 = 45 \text{ (tuổi)}$$

Cách giải dạng vận dụng 2

Ở dạng này cần xem kỹ số hạng chưa biết lớn (hơn hay bé hơn) số trung bình cộng. Nếu số hạng chưa biết lớn hơn hay bé hơn số trung bình cộng là a đơn vị chúng ta số hạng đó phải bù cho các số hạng còn lại (hoặc đã được bù từ các số hạng còn lại) đúng a đơn vị để được số trung bình cộng. Vì vậy cách giải như sau:

Bước 1: Xác định các số hạng đã cho ($a_1; a_2; a_3...$)

Bước 2: Tìm số trung bình cộng bằng cách:

Tính tổng các số hạng đã biết: $\text{hạng 1} + \text{số hạng 2} + \text{số hạng 3}...$

Thêm (hoặc bớt) a đơn vị vào tổng tìm được

Chia tổng đó cho số số hạng đã biết

Bước 3: Tính số hạng còn lại bằng cách: Lấy số trung bình cộng rồi cộng (hoặc trừ) với a. Như vậy ở ví dụ 3 được giải như sau:

Bước 1: Tổ Hai trồng được số cây là: $6 - 2 = 4$ (cây)

Bước 2: Vì tổ ba trồng được nhiều hơn trung bình cộng của 3 tổ là 4 cây nên suy ra tổ Ba đã bù 4 cây cho 2 tổ còn lại thì các tổ mới đạt số cây trung bình

Số cây trung bình của mỗi tổ là: $(6 + 4 + 4) : 2 = 7$ (cây)

Bước 3: Số cây mà tổ ba trồng: $7 + 4 = 11$ (cây)

Bài tập thực hành để có kĩ năng:

Bài tập 1: Không giải bài toán hãy đọc kĩ đề rồi tìm lỗi sai trong cách giải của hai bạn sau:

Một công ty chuyên lương thực bằng ô tô. Lần đầu có 5 ô tô, mỗi ô tô chở được 6 tấn thóc, lần sau có 3 ô tô, mỗi ô tô chở được 8 tấn thóc. Hỏi trung bình mỗi ô tô chở được bao nhiêu tấn thóc?

Bài giải 1:

Trung bình mỗi ô tô chở được là:

$$(8 + 6) : 2 = 7 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: 7 tấn

Bài giải 2:

Số thóc lần đầu chở được:

$$6 \times 5 = 30 \text{ (tấn)}$$

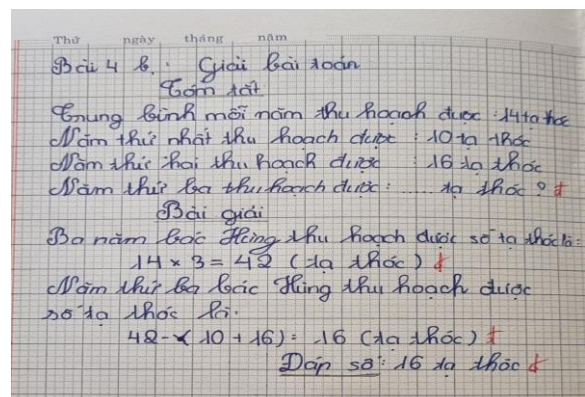
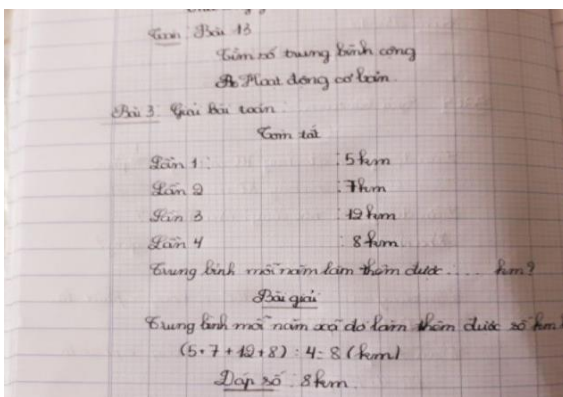
Số thóc lần sau chở được:

$$3 \times 8 = 24 \text{ (tấn)}$$

Trung bình mỗi ô tô chở được là:

$$(30 + 24) : 2 = 27 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: 27 tấn



b. Đối với dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số:

Dạng cơ bản nhận dạng hết sức đơn giản phần lớn các em đều biết giải qua bài toán cơ bản ở SGK

Ví dụ: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là 60 và 12 (bài 1 trang 48 SGK Toán 4). Đối với dạng cơ bản các bước giải đã có cụ thể ở SGK.

Còn ở dạng vận dụng thì khó hơn vì có thể là tổng hoặc hiệu chưa rõ GV cần cho HS nắm được vấn đề cơ bản là xác định được tổng và hiệu trong bài toán cụ thể từ đó các em vận dụng các bước giải.

Dạng vận dụng 1: Cả hai lớp trồng được 600 cây. Lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B là 50 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

Mặc dù trong bài chưa nêu cụ thể đâu là số lớn đâu là số bé, đâu là tổng, đâu là hiệu nhưng dựa vào kinh nghiệm thực tế vào khái niệm "cả hai", "ít hơn" để cho HS thấy:

Số cây lớp 4B là số lớn, số cây lớp 4A là số bé

Cả hai lớp 600 cây là tổng, lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B là 50 cây đây là hiệu số lớn và số bé là 50

Dạng vận dụng 2: Tìm hai số biết tổng của chúng là số lớn nhất có 3 chữ số và hiệu hai số đó bằng số lớn nhất có hai chữ số.

Dạng bài này có thể nhận ra ngay vì đề nêu rõ có từ tổng và hiệu nhưng cụ thể là bao nhiêu ta chưa biết được, GV phải hướng dẫn sử dụng thêm kiến thức đã học để tìm ra tổng hiệu một cách cụ thể.

Dạng vận dụng 3:

Tìm 3 số tự nhiên liên tiếp biết tổng của ba số đó là 84

Dạng bài yêu cầu tìm 3 số và tổng cụ thể nhưng hiệu dưới dạng ẩn, chính vì vậy phải dựa vào yếu tố "3 số tự nhiên liên tiếp" Ta dựa vào tính chất của các số tự nhiên liên tiếp để suy ra hiệu của hai số liền kề là 1 để có cơ sở giải.

Cách giải các dạng toán vận dụng

Cần đọc kỹ đề để suy luận và nhận biết đâu là số lớn, đâu là số bé; đâu là tổng, là hiệu. Từ đó tìm cách đưa về dạng cơ bản với 3 bước giải.

Chẳng hạn với bài toán: Tìm hai số biết tổng của chúng là số lớn nhất có 3 chữ số và hiệu hai số đó bằng số lớn nhất có hai chữ số.

Bước 1: Theo bài ra tổng hai số là số lớn nhất có 3 chữ số, vậy tổng đó là 999.

Mặt khác hiệu hai số đó bằng số lớn nhất có hai chữ số, vậy hiệu của số

đó là 99.

Bước 2: Số bé là: $(999 - 99) : 2 = 450$

Bước 3: Số lớn là: $450 + 99 = 549$

Đáp số: Số bé: 450

Số lớn :549

Khi dạy dạng toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó, tôi sẽ cho học sinh ghi vào vở cả hai cách giải chung.

Ví dụ: Cách 1:

Bài giải

Số bé là:

(Tổng - hiệu): 2

Số lớn là:

Số bé + hiệu hoặc tổng – số bé

Đáp số: Số bé:

Số lớn:

Cách 2:

Bài giải

Số lớn là:

(Tổng + hiệu): 2

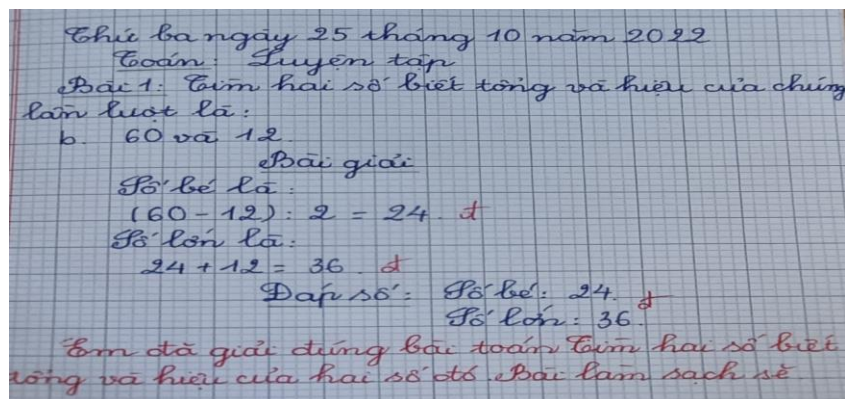
Số bé là:

Số lớn - hiệu hoặc tổng – số lớn

Đáp số: Số lớn:

Số bé:

Tôi sẽ yêu cầu học sinh nắm vững hai cách giải. Khi giải chỉ cần chọn một trong hai cách để giải, linh hoạt thay đổi số bé và số lớn bằng các dữ kiện mà bài toán cho. Nhờ đó mà học sinh nắm rất vững cách giải bài toán Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.



c. Đối với dạng toán tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số

Đây là hai dạng toán có các bước giải giống nhau nên ở đề tài tôi tìm hiểu chung hai dạng toán về cách giải ví dụ và bài tập rèn kỹ năng chủ yếu là dạng toán Toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số.

Với hai dạng toán này thì vấn đề cơ bản là xác định được tổng (hiệu), tỉ số của bài toán ở dạng vận dụng.

Cách giải dạng cơ bản gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định tổng(hiệu), tỉ số và biểu diễn tổng(hiệu), tỉ trên sơ đồ tóm tắt bài toán

Bước 2: Theo sơ đồ để tìm tổng (hiệu) số phần bằng nhau

Bước 3: Tìm giá trị một phần

Bước 4: Tìm số lớn (hoặc số bé)

Bước 5: Tìm số bé (hoặc số lớn)

Khi giải toán thực chất có 5 việc để làm nếu để riêng mỗi việc một bước ta có 5 bước, nhưng khi giải tùy khả năng của mỗi HS để có thể gộp các bước (2 và 3) cũng có thể gộp (bước 3 và 4); (bước 4 và 5) để rút ngắn bước giải.

Dạng vận dụng

Đối với với dạng toán liên quan đến tổng, hiệu, tỉ số của các số thì không phải bao giờ cũng có sẵn tổng hoặc tỉ mà để HS phát triển tư duy thì chương trình thường cho ẩn đi ở mức độ khác nhau nên cần giúp cho các em thói quen xác định được trước khi tìm bước giải nếu không làm rõ thì thường bị sai lầm trong kết quả.

Dạng vận dụng 1: Chủ yếu dùng vốn sống thực tế để suy luận

Ví dụ: (Bài 2 trang 151 SGK Toán 4)

Mẹ hơn con 25 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi mẹ. Tính tuổi của mỗi người?

Dùng vốn sống để suy luận: tuổi mẹ ứng với số lớn tuổi con ứng với số bé.

Mẹ hơn con 25 tuổi cho ta biết hiệu của tuổi mẹ và con là 25. Tuổi con bằng $\frac{2}{7}$ tuổi mẹ, suy ra tỉ số giữa tuổi mẹ và con là $\frac{2}{7}$, từ đó nhận ra dạng bài cơ bản.

Dạng vận dụng 2: Cho biết tỉ số cụ thể còn hiệu dưới dạng ẩn hoặc cho hiệu cụ thể tỉ số ẩn, cần dùng suy luận, lập luận để làm rõ dự kiến ẩn. Từ đó đưa về dạng cơ bản.

Ví dụ: Bài 3 (tr 151 SGK Toán 4).

Hiệu hai số bằng số bé nhất có 3 chữ số, tỉ số của hai số đó là $\frac{9}{5}$. Tìm hai số

đó.

Dạng vận dụng 3: Dạng này cả Tổng và tỉ đều dưới dạng ẩn cần suy luận mới làm rõ và đưa về dạng cơ bản. Dạng này chủ yếu dành cho học sinh có năng khiếu Toán.

Cách giải bài toán dạng vận dụng

Dạng 1: Chủ yếu dùng suy luận để hiểu ý nghĩa của các giá trị cần tìm và số lượng dữ kiện đã cho, nhận ra đâu là số lớn, đâu là số bé; rồi sử dụng cách giải bài toán cơ bản.

Dạng 2,3: Khi thấy các dữ kiện và tỉ số nêu ra dưới dạng ẩn thì cần suy luận, lập luận ngắn gọn để làm rõ các dữ kiện khi áp dụng các bước giải của dạng cơ bản.

Bài tập thực hành rèn kĩ năng:

Không giải, hãy xét xem bài toán sau có phải là bài toán "Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số không? Vì sao?

Lớp 4A1 có 21 bạn nữ và 14 bạn nam, trong buổi liên hoan cô giáo chia kẹo cho các bạn, biết rằng các bạn nữ nhận kẹo hoa quả, các bạn nam nhận kẹo dứa. Số kẹo mỗi loại vừa đủ chia hết cho các bạn nam và nữ trong lớp. Tính số kẹo của mỗi loại biết số kẹo hoa quả hơn số kẹo dứa 21 cái.

Không giải, hãy đọc kĩ các bài toán sau và cho biết bài nào thuộc dạng toán "Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó?

Bài 1: Hiệu của hai số là 5 nếu lấy số lớn cộng với số nhỏ được 45. Tìm hai số đó.

Bài 2: Hiện nay bố hơn con 36 tuổi, nếu lấy tuổi bố bớt đi 3 và chia cho 4 thì được tuổi con. Tính tuổi của bố, tuổi con?

Bài 3: Hiện nay bố hơn con 36 tuổi. Bốn năm nữa tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi của bố, tuổi con hiện nay.

Khi dạy dạng toán tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó, tôi cũng yêu cầu học sinh ghi vào vở cách tổng quát.

Dạng toán Tìm hai số khi biết Tổng và tỉ số của hai số đó

Bài giải

Cách 1: Tổng số phần bằng nhau là:

(số phần của số lớn + số phần của số bé) (phần)

Số bé là:

Tổng: tổng số phần x số phần của số bé

Số lớn là:

Tổng – số bé

Đáp số: Số bé:

Số lớn:

Cách 2: Tổng số phần bằng nhau là:

(số phần của số lớn + số phần của số bé) (phần)

Số lớn là:

Tổng: tổng số phần x số phần của số lớn

Số bé là:

Tổng – số bé

Đáp số: Số lớn:

Số bé:

Tôi cũng yêu cầu học sinh nắm vững hai cách giải. Khi giải chỉ cần chọn một trong hai cách để giải, linh hoạt thay đổi số bé và số lớn bằng các dữ kiện mà bài toán cho. Nhờ đó mà học sinh nắm rất vững cách giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó”.

3.3 Giải pháp 3: Tạo hứng thú cho học sinh qua các trò chơi: Vui học – học vui

3.3.1 Mục tiêu

Kích thích sự tìm tòi, khám phá của học sinh thông qua hoạt động vui chơi để tiến hành học tập.

3.3.2 Nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện giải pháp

Đối với học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4 nói riêng, các em còn đang ở độ tuổi ham chơi, thích tìm tòi khám phá những cái mới lạ. Đối với các em, trò chơi là phát hiện mới, kích thích tính tò mò, phát triển trí thông minh, óc sáng tạo. Chính vì vậy, giáo viên cần phải kết hợp thông qua hoạt động vui chơi để tiến hành học tập.

Để tiết học đạt hiệu quả cao, giờ học diễn ra một cách nhẹ nhàng thoải mái mà còn khắc sâu kiến thức vào trọng tâm của bài, trong quá trình dạy, tôi luôn lồng ghép các trò chơi vào giờ học, bài học, bài tập bằng các hình thức như thi tiếp sức, truyền điện, trắc nghiệm,

Ví dụ: Trong tiết toán: Dạng bài liên quan đến tỉ số, ở cuối tiết học tôi đưa ra trò chơi tiếp sức như sau:

Em hãy nối theo mẫu, số lượng quả cam với số lượng rổ tương ứng biết

mỗi rổ có 9 quả cam.

Số lượng quả cam	Số lượng rổ
27	12
54	3
108	9
81	6

Ở trò chơi này, tôi cho các em thảo nhóm, sau đó mỗi nhóm sẽ cử 1 bạn lên thi nối tiếp sức và giải thích vì sao nối hai số đó với nhau.

Sau mỗi trò chơi, tôi thường động viên tuyên dương các em, khích lệ các em nêu ra cách làm nhanh để cho các em khác học tập. Mỗi khi tổ chức trò chơi, tôi thường nghiên cứu kỹ lưỡng sao cho trò chơi phải phù hợp đúng với nội dung của bài.

Qua việc thực hiện biện pháp trò chơi trong học tập, tôi thấy giờ học sinh động và sôi nổi hẳn, lôi cuốn học sinh vào bài, học sinh hứng thú học tập. Các em hiểu bài ngay trên lớp. Như vậy, thông qua trò chơi không những khắc sâu được kiến thức, đồng thời động viên khích lệ các em học tập, giúp các em rèn luyện được cách tính nhẩm nhanh để áp dụng vào làm các bài tập. Tuy nhiên, trò chơi học tập nếu áp dụng không hợp lý thì trò chơi chỉ mang tính hình thức mà không phát huy được vai trò tích cực của tất cả học sinh dẫn đến lớp học ồn ào mà học sinh thì không hiểu bài.

3.4. Giải pháp 4: Đánh giá, nhận xét học sinh thường xuyên, phù hợp.

3.4.1 Mục tiêu

Khích lệ học sinh chăm chỉ làm bài tập và vươn lên trong học tập. Phân loại mức độ hoàn thành bài tập của học sinh. Giúp học sinh biết đánh giá kết quả của mình của bạn từ đó rút ra hướng khắc phục.

3.4.2 Nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện giải pháp

Kết quả học Toán của học sinh phản ánh kết quả dạy của giáo viên. Căn cứ kết quả học Toán của học sinh, tôi điều chỉnh cách dạy cho phù hợp. Do vậy, trong dạy học Toán việc đánh giá kết quả học tập của học sinh vừa đóng vai trò “bánh lái” vừa giữ vai trò “động lực” dạy học. Nó định hướng, thúc đẩy mạnh mẽ động lực dạy học và là giai đoạn cuối cùng của một hoạt động dạy học. Việc chấm chữa bài cho HS càng quan trọng đòi hỏi giáo viên phải thường xuyên nhận xét bài làm

của học sinh một cách cụ thể không chung chung mà chỉ ra được biện pháp cho các em sửa sai.

Việc làm này đã khuyến khích học sinh học tập chủ động, tích cực, sáng tạo, theo năng lực cá nhân, tránh gây căng thẳng làm mất tính tự tin của học sinh.

Để khích lệ học sinh vươn lên trong học tập, tôi thường nhận xét ngắn gọn, xúc tích chỉ rõ chỗ sai cho học sinh, thể hiện tình cảm với học sinh như: em thật giỏi, đáng khen, em thật sự tiến bộ...

Ví dụ: Nếu khi chấm bài học sinh biết cách giải nhưng tính sai kết quả thì khi chấm bài giáo viên nhận xét: "Em hiểu bài, biết vận dụng nhưng nếu em tính toán cẩn thận em sẽ đạt kết quả cao".

Ngoài việc đánh giá học sinh tôi còn cho học sinh tự đánh giá kết quả của bản thân và của bạn để tạo cơ hội cho học sinh học tập bạn, mạnh dạn tự tin hơn.

Nhận xét đánh giá sau mỗi tiết học Toán sẽ giúp ích rất nhiều cho việc hỗ trợ học tập của học sinh, nắm bắt được kết quả học tập của các em. Do thường xuyên được chấm bài nên các em cố gắng nhiều lần và bản thân tôi cũng điều chỉnh được nhiệm vụ học tập cho học sinh đến khi đạt được mục tiêu.

4. Kết quả khảo nghiệm, giá trị khoa học của vấn đề nghiên cứu, phạm vi và hiệu quả ứng dụng

Do nắm được vai trò quan trọng của phân môn Toán nên những việc làm trên đã được tôi tiến hành thường xuyên trong các giờ Toán. So với thời gian đầu nhiều em còn làm sai, chưa biết trình bày câu lời giải, phép tính thì hiện giờ lớp tỉ lệ học sinh không biết giải toán có lời văn còn rất ít. Kỹ năng giải toán có lời văn qua đó mà nâng lên rõ rệt.

Đây là bảng kết quả trước và sau khi áp dụng biện pháp “**Một số biện pháp giúp nâng cao năng lực giải toán có lời văn cho học sinh lớp 4A1 trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm**” vào quá trình dạy - học phân môn Toán lớp 4.

Lớp 4A1	HỌC SINH			
	Viết sai câu lời giải	Viết sai phép tính	Viết sai đáp số	Trình bày đúng cả 3 bước
TS: 32 em				
Trước khi thực hiện đề tài	12 = 37,5%	12 = 37,5%	5 = 15,6%	3 = 9,4%
Sau khi thực hiện đề tài	5 = 15,6%	6 = 18,8%	1 = 3,1%	20 = 62,5%

Trong thực tế giảng dạy và trong quá trình nghiên cứu làm đề tài tôi rút ra những bài học kinh nghiệm, đó là:

Trước hết giáo viên phải luôn có lòng yêu nghề, có ý thức trách nhiệm và tinh thần cầu tiến, không ngừng học hỏi và mạnh dạn áp dụng những cái mới vào trong thực tiễn giảng dạy.

Khi dạy Toán, giáo viên cần nắm vững những tính chất nhiệm vụ của môn Toán, tính chất nổi bật của nó là luyện tập, thực hành. Chúng ta cần rèn luyện kỹ năng giải toán cho học sinh thông qua việc rèn luyện kỹ năng giải các dạng toán điển hình, những bài toán hợp.

Giáo viên phải nắm vững yêu cầu của từng lĩnh vực kiến thức khác nhau, để từ đó có thể lựa chọn phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ của học sinh, phù hợp với nội dung mà giáo viên đã lựa chọn để rèn kỹ năng cho học sinh.

Khi gợi ý, hướng dẫn cách giải cho học sinh, giáo viên cần có hệ thống câu hỏi dễ hiểu, sát thực tế và lô gic để làm giảm độ khó của bài tập cho học sinh.

Người giáo viên luôn phải kiên nhẫn, khắc phục những chỗ hỏng kiến thức cho học sinh trong mọi trường hợp. Bên cạnh đó, giáo viên cũng cần phải đặc biệt lưu ý tới học sinh yếu để phát hiện ra những khó khăn, vướng mắc hoặc những chỗ mà học sinh không tìm ra cách giải để giúp đỡ các em kịp thời.

Thường xuyên liên hệ trao đổi thông tin đa chiều giữa gia đình với nhà trường để quan tâm, giúp đỡ và có biện pháp kịp thời giúp học sinh học không bị sa sút.

Chú ý hình thức khen thưởng, động viên đối với học sinh.

Ngoài ra, chúng ta phải rèn cho học sinh có ý thức tự sửa chữa, tự rèn luyện để các em có tinh thần cầu tiến.

Giáo viên không ngừng học hỏi, tự tìm hiểu nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ. Có kiến thức, giáo viên mới có thể giúp học sinh một cách có hiệu quả.

III. Phần kết luận, kiến nghị

1. Kết luận:

Môn Toán ở lớp 4 trong chương trình nói chung và giải toán có lời văn nói riêng có vai trò hết sức quan trọng trong việc góp phần thực hiện mục tiêu chung của giáo dục tiểu học. Kỹ năng giải toán có lời văn ngày càng được hoàn thiện cũng chính là góp phần hình thành nên những phẩm chất quan trọng của người lao động mới để trong tương lai đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa của đất nước.

Chính vì vai trò quan trọng đó mà việc rèn luyện kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4 nói riêng cần phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có hệ thống trong suốt từng năm học, bậc học.

Vấn đề nâng cao năng lực giải toán cho học sinh lớp 4 là một phạm trù rất phong phú, nhưng vẫn còn gặp không ít khó khăn, chất lượng của nó ra sao? Hiệu quả như thế nào cũng phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của mỗi giáo viên. Đòi hỏi giáo viên phải có lòng nhiệt tình, sự tận tâm với các em và luôn luôn phải tự học hỏi, rèn luyện để nâng cao trình độ, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy cho các em, để cho các em cảm thấy không nặng nề quá khi phải học nhiều. Giáo viên tạo bầu không khí vui tươi, sôi nổi để học sinh luôn được: Học mà chơi - chơi mà học. Như vậy các em sẽ nhớ lâu, làm đúng, làm nhanh những bài tập trên lớp.

2. Kiến nghị:

Đối với nhà trường

Khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp dạy học trong môn toán nói riêng và các môn khác nói chung, có chế độ khen thưởng giáo viên thực hiện tốt.

Tạo điều kiện giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với giáo viên

Cần tiến hành phân loại học sinh ngay từ đầu năm học và có kế hoạch bồi dưỡng hoặc phụ đạo cho các em.

Đổi mới phương pháp dạy học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy toán có lời văn.

Trên đây là một vài kinh nghiệm nhỏ mà bản thân tôi đã tìm hiểu, đúc kết được qua thực tế giảng dạy, tôi cam đoan chắc chắn rằng đây là kết quả mà bản thân đã nỗ lực tìm tòi suy nghĩ để đưa ra những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao chất lượng giải toán cho học sinh. Rất mong được trao đổi của các bạn đồng nghiệp để ngày càng có thêm nhiều kinh nghiệm bổ ích. Vận dụng những kinh nghiệm quý báu giảng dạy học sinh ngày càng tiến bộ.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Thống Nhất, ngày 12 tháng 03 năm 2023

Người viết

Nguyễn Thị Vui

Xác nhận của BGH nhà trường

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Quốc Chung (Chủ biên); Phương pháp dạy học toán ở tiểu học; NXB Giáo dục, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
2. Trần Ngọc Lan; Cách giải toán có lời văn lớp 4; NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.
3. Phạm Đình Thực; Giúp học sinh tiểu học giải toán có lời văn; NXB Giáo dục, TP HCM. 2007.
4. Sách giáo khoa Toán 4, Sách giáo viên Toán 4
5. Tạp chí Toán tuổi thơ.